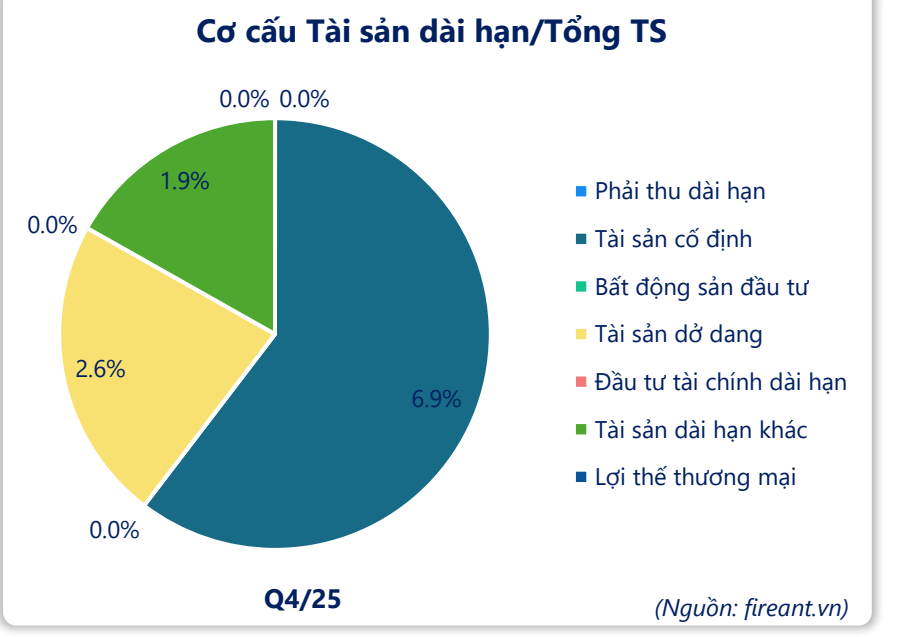
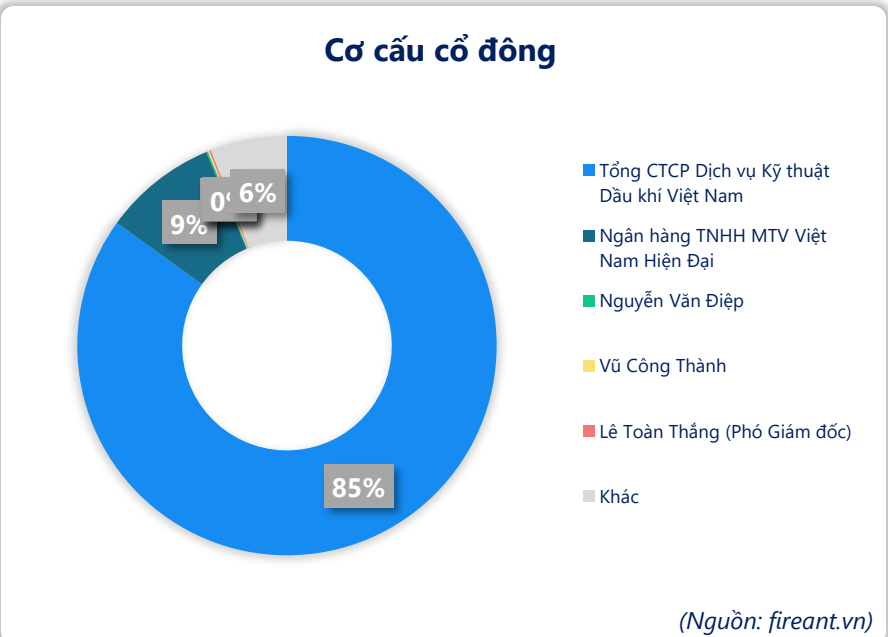
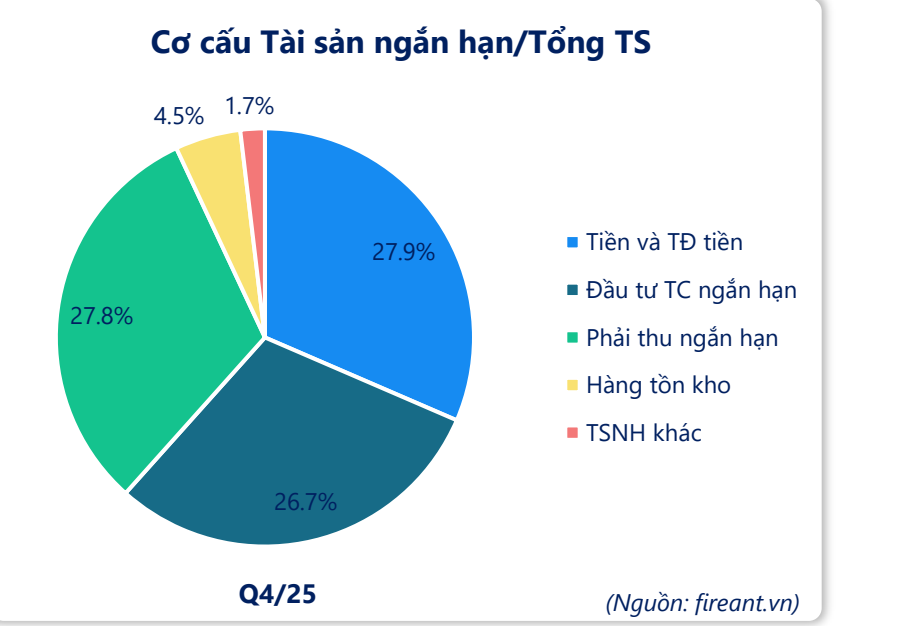
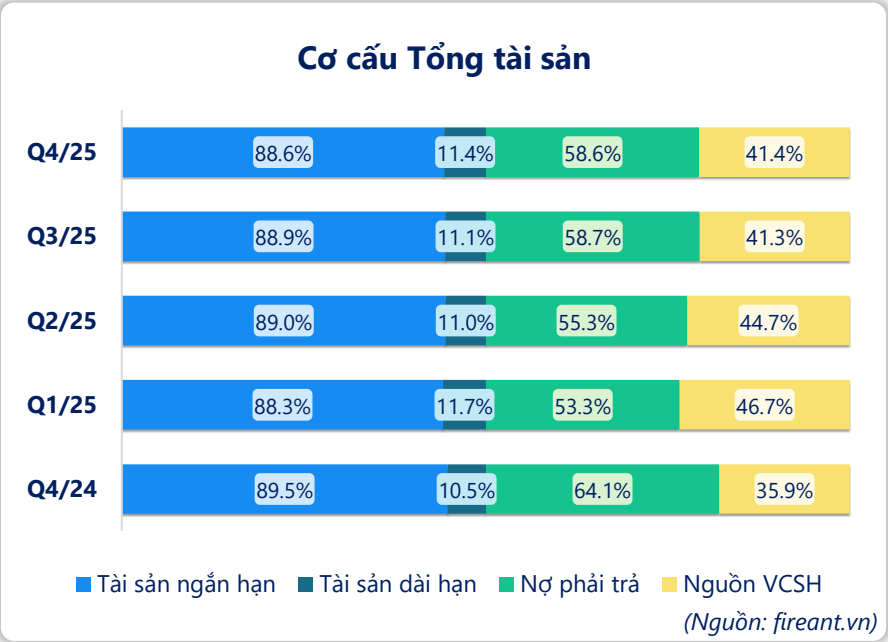
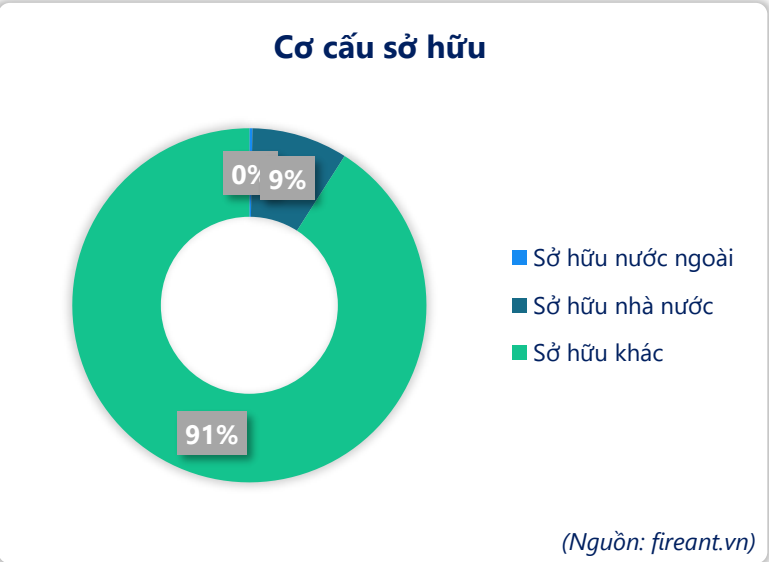
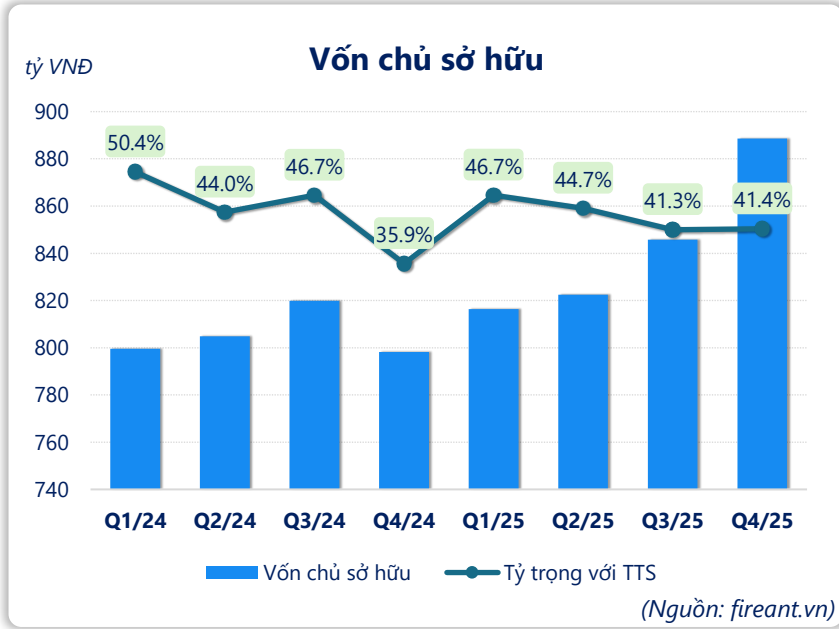
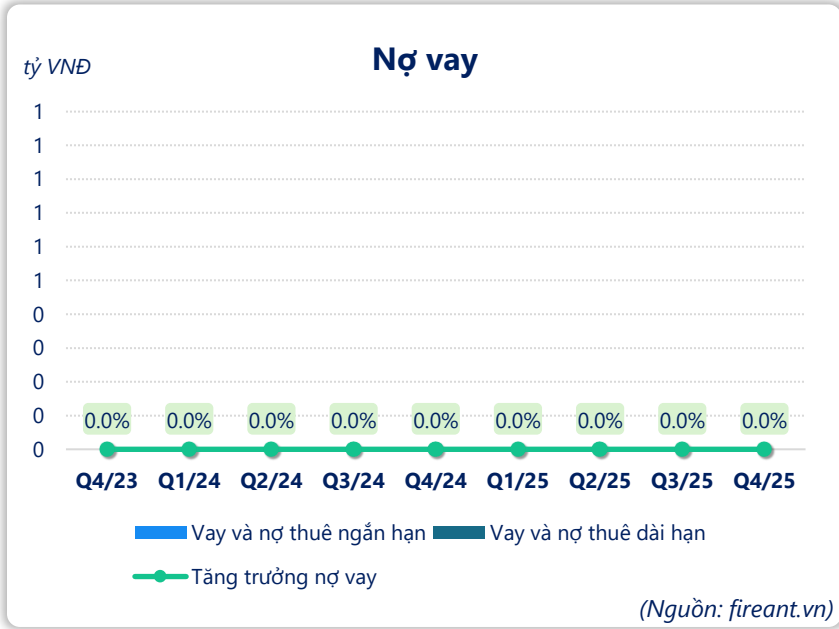
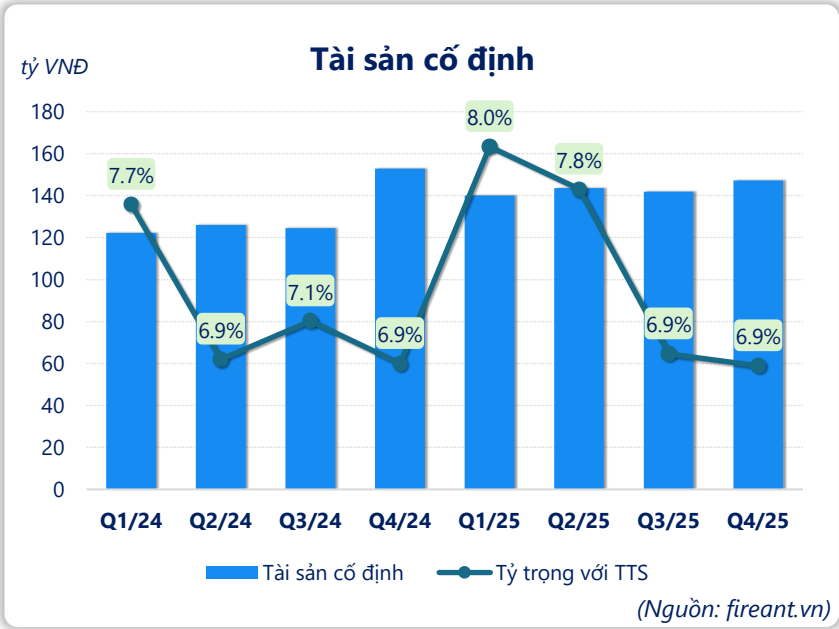
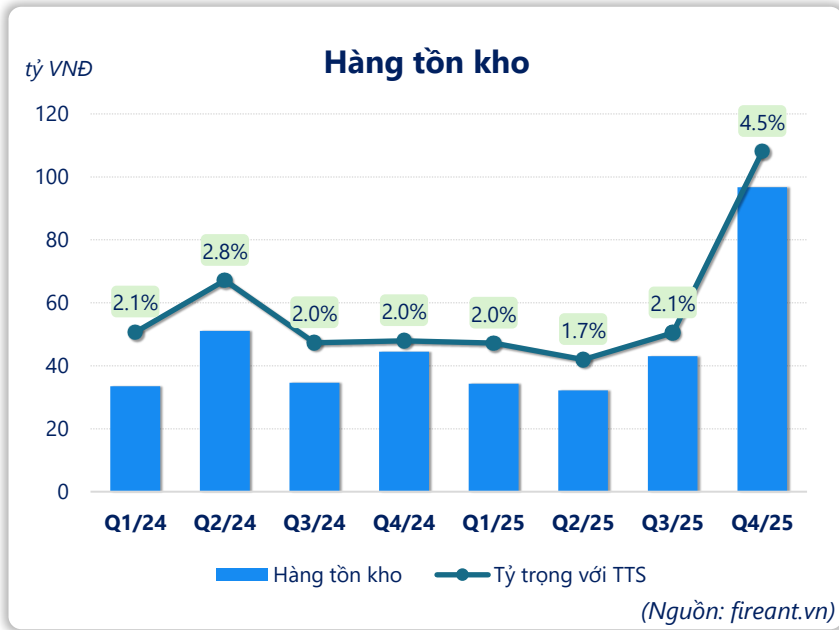
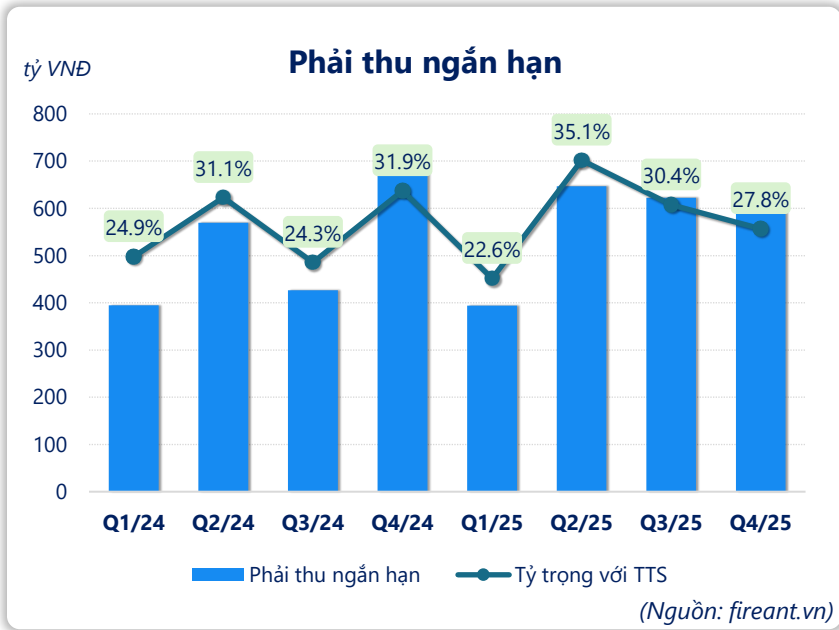
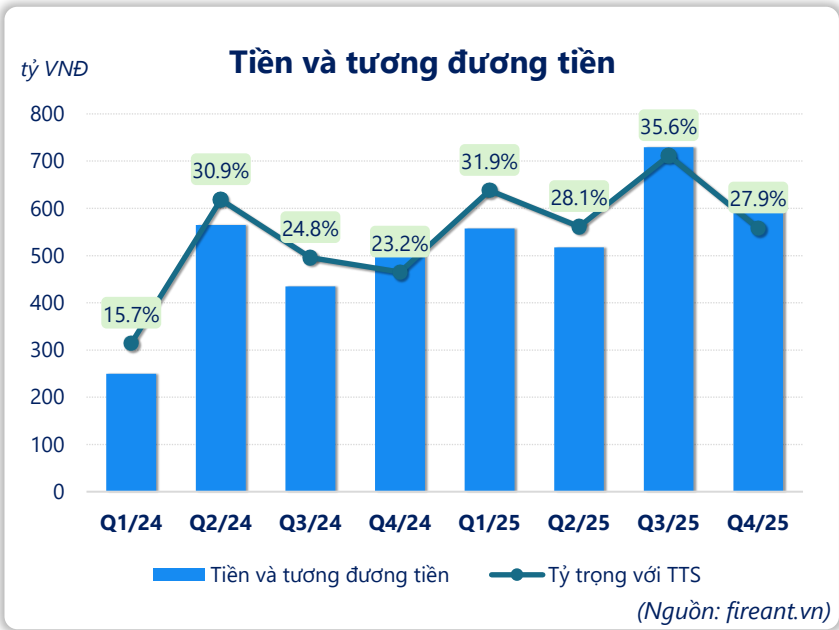
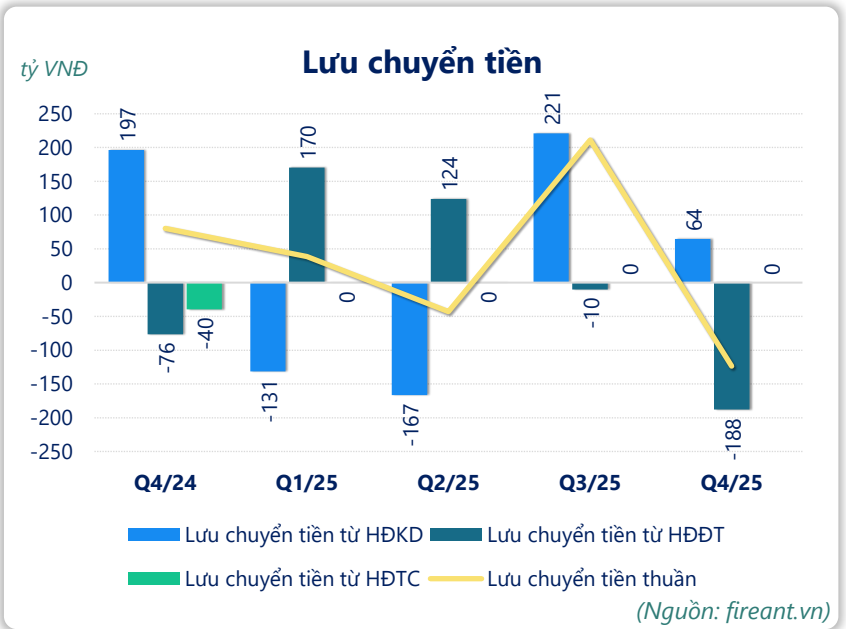
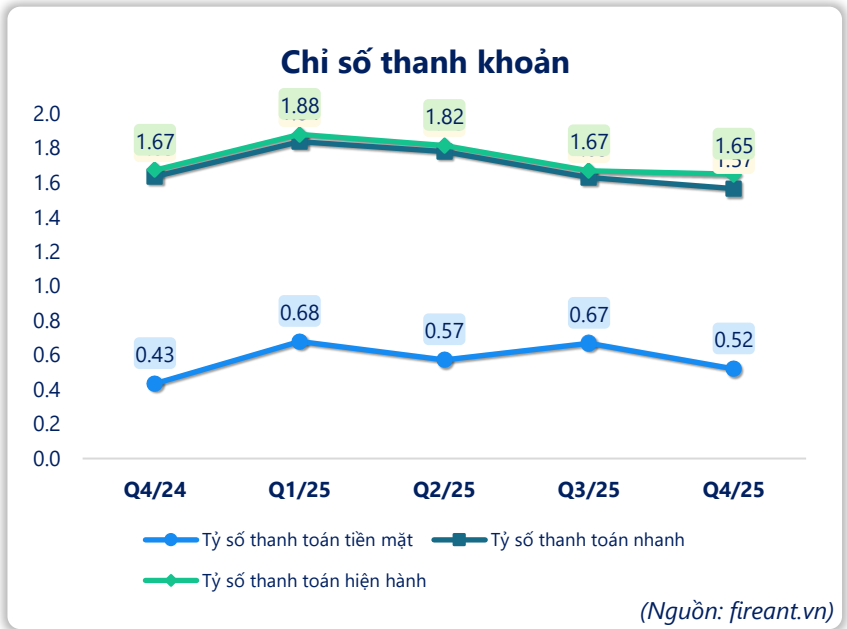
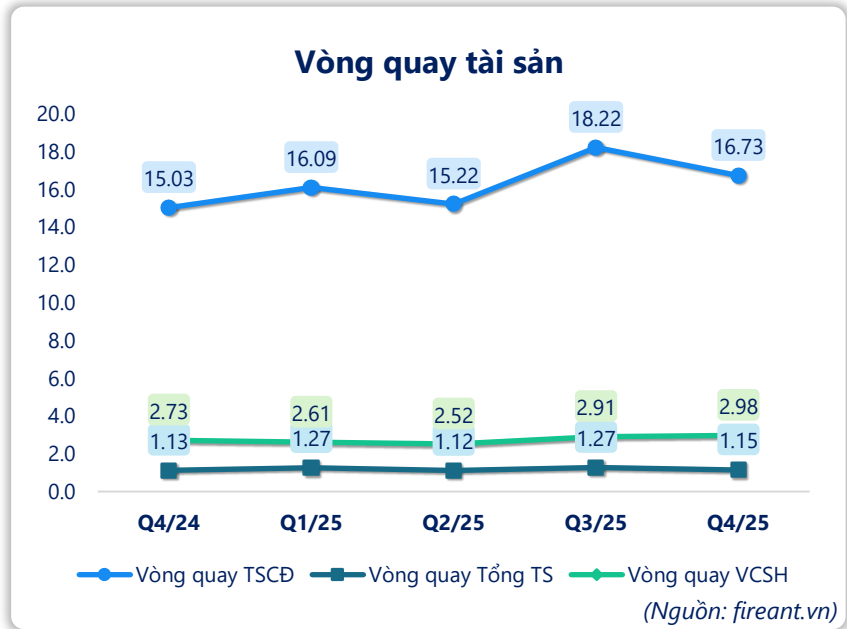
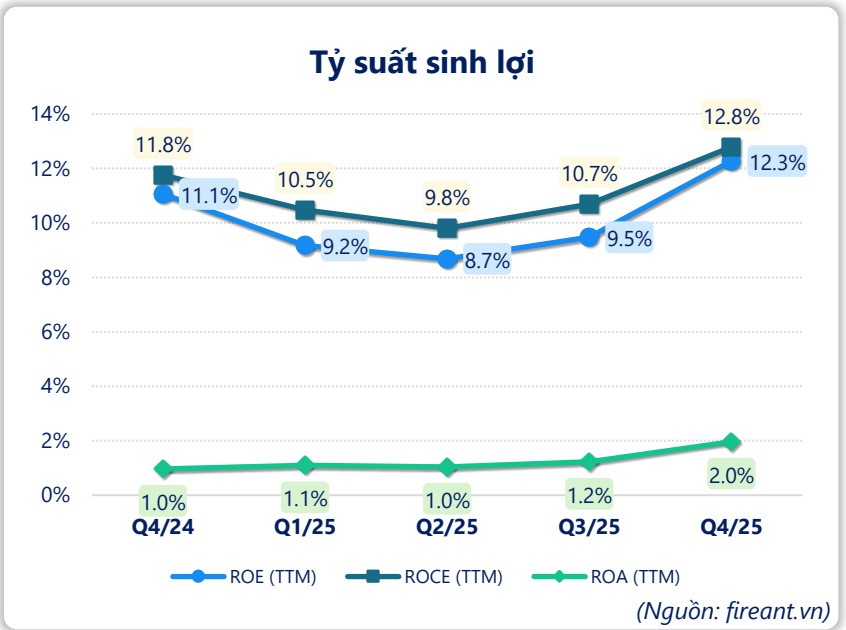
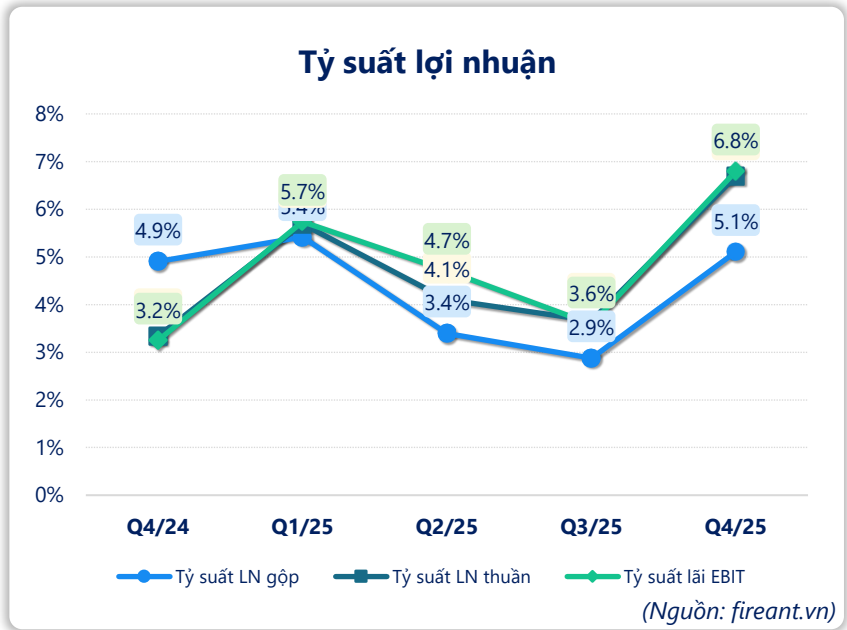
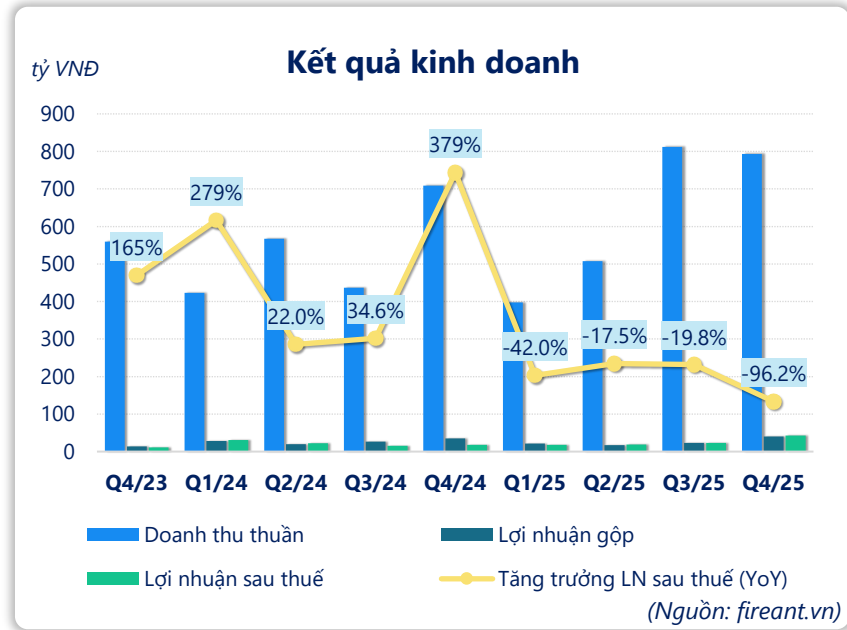


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		15,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		24,643
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		13,933
SL cổ phiếu LH		45,999,965
KLGD BQ 20 phiên (CP)		7,415
% sở hữu nước ngoài		0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		699
P/E		6.8
EPS		2,250

	YTD	1T	3T	6T
POS	-9.6%	-0.7%	-2.6%	-7.2%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,148	2,199	-2.3%
Tài sản ngắn hạn	1,904	1,977	-3.7%
Tiền và tương đương tiền	600	517	15.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	574	719	-20.2%
Phải thu ngắn hạn	598	695	-13.9%
Hàng tồn kho	96.7	44.5	117%
Tài sản ngắn hạn khác	36.0	1.34	2580%
Tài sản dài hạn	244	221	10.1%
Phải thu dài hạn	0.02	2.01	-99.0%
Tài sản cố định	147	153	-3.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	55.6	1.81	2968%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	41.0	64.8	-36.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,259	1,401	-10.1%
Nợ ngắn hạn	1,154	1,215	-5.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	556	555	0.2%
Nợ dài hạn	105	186	-43.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	889	798	11.3%
Vốn chủ sở hữu	889	798	11.3%
Vốn điều lệ	460	400	15.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	709	397	507	812	793
Giá vốn hàng bán	674	376	490	789	753
Lợi nhuận gộp	34.7	21.5	17.2	23.3	40.5
Doanh thu HĐTC	16.3	10.7	13.3	16.2	15.7
Chi phí TC	-0.56	1.35	-0.22	0.71	5.23
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.43	1.76	0.82	0.02	0.86
Chi phí QLDN	27.6	6.50	9.11	9.11	-2.97
LN thuần từ HĐKD	23.7	22.6	20.8	29.7	53.1
Lợi nhuận khác	-0.65	0.18	3.07	-0.64	0.82
LN trước thuế	23.0	22.8	23.9	29.1	53.9
Lợi nhuận sau thuế	18.3	18.2	19.1	23.3	42.9
LNST của CĐ cty mẹ	18.3	18.2	19.1	23.3	42.9

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	197	-131	-167	221	64.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-76.4	170	124	-9.98	-188
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-39.7	-0.07	-0.13	0	0
Tiền đầu kỳ	435	517	557	517	729
Lưu chuyển tiền thuần	80.5	38.8	-43.0	211	-124
Ảnh hưởng tỷ giá	2.11	0.73	2.96	1.10	-5.98
Tiền cuối kỳ	517	557	517	729	600

(Nguồn: fireant.vn)